

Số: 47/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 11 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 08/TTr-SNN ngày 11/01/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính nêu tại khoản 1 Điều này (kèm theo Quy trình).

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và Quy trình được nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2024./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng: NNTN, CCHC (VL<sub>i02/24</sub>);
- Lưu: VT, M.A24/1.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Luân**



**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC**  
**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN,**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Kèm theo Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

**\* CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

- **Đối với cấp tỉnh:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website <https://dichvucong.camau.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

- **Đối với cấp huyện:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website <https://dichvucong.camau.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).


- **Thời gian tiếp nhận:** Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:


+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.


**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
<b>Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 15/12/2023</b>							
1	1.007917.00 0.00.00.H12	Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	- Trường hợp 1: Không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: Trong thời hạn 24 ngày (cắt giảm 06/30 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và tra kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - <i>Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.007917” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.007916.00 0.00.00.H12	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	- Trường hợp 1: Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đất để trồng rừng: Trong thời hạn 17,5 ngày (cắt giảm 4,5/22 ngày, tỷ lệ 20,45%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Ủy ban nhân dân tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng: + Trường hợp 2.1: Đối với chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng: 57 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Trường hợp 2.3: Đối với	- Địa điểm tiếp nhận và tra kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - <i>Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.007916” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

			<p>chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng: 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Trường hợp 2.3: Đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng: 42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>				
3	1.000045.00 0.00.00.H12	Xác nhận bảng kê lâm sản	<p>- Trường hợp 1: Không phải xác minh: 1,5 ngày làm việc (cắt giảm 0,5/02 ngày làm việc, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Phải xác minh: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 3: Xác minh có nhiều nội dung phức tạp: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	Không	<p>- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ. - Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.000045" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	1.011470.00 0.00.00.H12	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng	Trong thời hạn 08 ngày (cắt giảm 02/10 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.</p>	Không	<p>- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp</p>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "

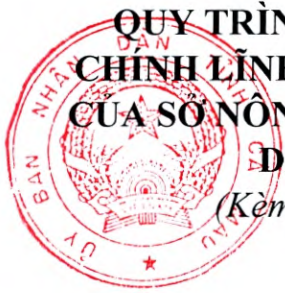


	thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng		- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		và Phát triển nông thôn. - <i>Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>	1.011470” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
--	---	--	--	--	---	---

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
<b>Quyết định số 2256 /QĐ-UBND ngày 15/12/2023</b>							
1	1.011471.00 0.00.00.H12	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trong thời hạn 08 ngày (cắt giảm 02/10 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Hạt Kiểm lâm cấp huyện.	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - <i>Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.011471” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

**Tổng số Danh mục có 05 TTHC (trong đó: 04 TTHC cấp tỉnh, 01 TTHC cấp huyện)./.**



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Kèm theo Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 11 /01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế (Mã số TTHC: 1.007917.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:**

- Trường hợp 1: Không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa 24 ngày (cắt giảm 06/30 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- + Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 14 ngày.
- + Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 10 ngày.

- Trường hợp 2: Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- + Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 35 ngày.
- + Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 10 ngày.

**b) Quy trình giải quyết:**

**- Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thẩm định hồ sơ duyệt chuyển lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: Trường hợp 1: 13,5 ngày; Trường hợp 2: 34,5 ngày.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.



**- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (trường hợp 1)**

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: trường hợp 1, 2: 9,75 ngày (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**2. Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (Mã số hồ sơ: 1.007916.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:**

- **Trường hợp 1:** Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đất để trồng rừng 17,5 ngày (cắt giảm 4,5/22 ngày, tỷ lệ 20,45%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- + Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 11,5 ngày.
- + Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 06 ngày.

- **Trường hợp 2:** Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng:

+ Trường hợp 2.1: Đối với chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng 57 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- \* Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 07 ngày.
- \* Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 17 ngày.
- \* Tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 08 ngày.
- \* Chủ dự án phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 10 ngày.

\* Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: 05 ngày.

\* Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 10 ngày.

+ Trường hợp 2.2: Đối với chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- \* Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 12 ngày.
- \* Chủ dự án phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 20 ngày.





\* Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: 05 ngày.

+ Trường hợp 2.3: Đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng: 42 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

\* Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 12 ngày.

\* Chủ dự án phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 10 ngày.

\* Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: 20 ngày.

**b) Quy trình giải quyết:**

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Công Dịch vụ công quốc gia, Công Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

**- Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

+ Bước 2:

*Đối với trường hợp 1:*

Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), Chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thẩm định duyệt trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 11 ngày làm việc.

*Đối với trường hợp 2:*

Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), Chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thẩm định duyệt trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: Trường hợp 2.1: 6,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.



## **- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

### **+ Bước 1:**

#### **\*Trường hợp 1:**

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 5,75 ngày.

#### **\*Trường hợp 2:**

**\*\* Trường hợp 2.1:** Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lập, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký duyệt hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định, sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 16,75 ngày.

**\*\* Trường hợp 2.2, 2.3:** Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lập, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 11,75 ngày.

**+ Bước 2:** Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**+ Bước 3:** Khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Chủ dự án phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: Trường hợp 2.1, 2.3: 10 ngày, trường hợp 2.2: 20 ngày.

### **3. Xác nhận bằng kê lâm sản (Mã số hồ sơ: 1.000045.000.00.00.H12)**

#### **a) Thời gian giải quyết:**

- Trường hợp 1: Trường hợp không phải xác minh: 1,5 ngày làm việc (cắt giảm 0,5/02 ngày làm việc, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp 2: Phải xác minh. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp 3: Xác minh có nhiều nội dung phức tạp. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### **b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.



- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: Trường hợp 1: 01 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*), trường hợp 2: 3,5 ngày làm việc, trường hợp 3: 7,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

#### **4. Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (Mã số TTHC: 1.011470.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 08 ngày (cắt giảm 02/10 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

##### **b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 7,5 ngày (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.



## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

**Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Mã số TTHC: 1.011471.000.00.00.H12)**

**a) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 08 ngày (cắt giảm 02/10 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

### **b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về chuyên hồ sơ về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*) thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn duyệt trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 7,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

**Lưu ý:** Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện hết các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định./.